

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: **109** /2024/HSST
Ngày: 17/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S- TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc
2. Ông Nguyễn Văn Đồi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phú Huy- Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận S -TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận S- TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà- Tp Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến được kết nối giữa điểm cầu Trung tâm đặt tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Đà Nẵng với điểm cầu thành phần đặt tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai để xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 99/2024/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Hải D, Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 20/01/2002 tại Cà Mau; Nơi cư trú: 3 L, khóm D, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: 66/48 Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12, Dân tộc Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: không; Con ông **Lê Phước H** (SN 1972) và bà **Nguyễn Thị Hồng N** (đã chết). Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con út. Bị cáo chưa có vợ con

- Tiền án, tiền sự: không

- Nhân thân: Ngày 03/7/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố B tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 335/2024/HS-ST ngày 03/7/2024.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo quyết định thi hành án số 662/2024/QĐ-CA ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

- Người bị hại: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1973; Trú tại: P chung cư C phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt nhưng không thể nói được.

- Người đại diện theo pháp luật cho ông **Trần Văn S**:

Bà **Huỳnh Thị Tô E**, sinh năm: 1976 Trú tại: P chung cư C phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Ông **Trần Văn H1**, sinh năm: 2001 Trú tại: P chung cư C phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm: 1972, Địa chỉ: 300/34/47/42 N, Khu phố D, phường B, quận G thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1982: Trú tại: Ấp G, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20/10/2023, Lê Hải Đ (không có Giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ – đen, biển số: 63R1 – 6499 lưu thông trên đường C, quận S, theo hướng từ đường N đến cầu T với tốc độ khoảng 60 đến 65km/h (Đ khai), khi vào điểm giao nhau của ngã tư đường C - V thuộc P. N, Q.S, TP.Đà Nẵng, Đ không giảm tốc độ, không chú ý quan sát nên đã để xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ – đen, biển số: 63R1 – 6499 do mình điều khiển tông vào phần giữa, bên phải xe mô tô BKS: 51P3-5420 do ông Trần Văn S (sinh năm 1973, nơi cư trú: phòng 709 chung cư C2 nhà C, P. N, Q.S, TP.Đà Nẵng) điều khiển lưu thông trên đường V, theo hướng Sông H về C khi xe của ông S đã vào điểm giao nhau. Sau khi xảy ra tai nạn, ông S và Đ đều bị thương tích và được người dân đưa đi cấp cứu.

* Vật chứng và tài sản tạm giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Fashion 100, màu nâu BKS: 51P3-5420;
- 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ – đen, BKS: 63R1-6499.

* Hiện trường vụ TNGT thể hiện:

Về hiện trường vụ tai nạn giao thông: Đường V được trải thảm nhựa, mặt đường bằng phẳng, lòng đường rộng 15m00, có vạch kẻ đường ở giữa chia đường thành hai chiều đường riêng biệt. Đường C được trải thảm nhựa, mặt đường bằng phẳng, có dải phân cách cứng ở giữa, chia đường thành hai chiều đường riêng biệt, mỗi chiều đường có lòng đường rộng 7m50. Nơi xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường giao nhau giữa đường C với đường V.

Đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, dấu vết như sau: (1) xe máy biển số 63R1 – 6499; (2) xe máy biển số: 51P3 – 5420; (3) vết xước không liên tục dài 4m70; (4) vết xước không liên tục dài 6m70.

- Điểm mốc của vụ tai nạn là trụ điện CS56 nằm trên vỉa hè phía bên phải đường Vân Đồn theo hướng S - N. Mép đường bên phải đường V theo hướng S - N làm mép chuẩn.

- Xe máy biển số 63R1 – 6499 nằm trên mặt đường, ngã về phía bên trái. Từ tâm đầu trục bánh trước xe máy 63R1 – 6499 đo đến mép chuẩn là 1m30. Từ tâm đầu trục bánh sau xe máy 63R1 – 6499 đo đến mép chuẩn là 2m20. Từ tâm đầu trục bánh sau xe 63R1 – 6499 đo về hướng Non Nước đến ngang tâm đầu trục bánh sau xe máy 51P3 5420 là 1m54, đây là khoảng cách giữa hai xe máy.

- Xe máy 51P3 – 5420 nằm trên mặt đường, ngã về phía bên phải. Từ tâm đầu trục bánh trước xe máy 51P3 – 5420 đo đến mép chuẩn là 2m30; Từ tâm đầu trục bánh sau xe máy 51P3 – 5420 đo đến mép chuẩn là 3m30.

Vết xước (3) dài 4m70 không liên tục, từ điểm khởi đầu của vết xước đo đến mép chuẩn là 6m20, điểm cuối của vết xước trùng với góc để chân bên trái của

người ngồi xe máy 63R1 -6499. Từ điểm khởi đầu của vết xước (3) đo về hướng Non Nước đến ngang điểm khởi đầu của vết xước (4) là 1m90.

- Vết xước (4) không liên tục dài 6m70, từ điểm khởi đầu của vết xước đo đến mép chuẩn là 8m70, điểm cuối của vết xước trùng với góc để chân bên phải của người ngồi lái xe máy 51P3 -5420. Từ điểm khởi đầu của vết xước (4) đo về hướng **S** đến ngang mép **đường C** là 2m40.

Từ tâm đầu trục bánh sau xe máy 63R1 – 6499 đo về hướng Non Nước đến ngang mép **đường C** là 1m00. Từ tâm đầu trục bánh trước xe máy 63R1 – 6499 đo về hướng Sơn Trà đến ngang tâm trụ điện CS56 là 13m50 và đây chính là điểm mốc của vụ tai nạn giao thông.

*** Về dấu vết trên các phương tiện:**

- Trên xe mô tô biển số 51P3 – 5420, được sơn màu tím, có các dấu vết sau:

- + Vành trước bị cong biến dạng;
- + Bộ hộp đèn trước và manh chắn gió không có;
- + Tay thắng bên phải bị gãy;
- + Khung sườn treo máy bị gãy, hư hỏng hoàn toàn;
- + Hộp đèn lái sau bị bể vỡ, đèn lai sau không còn trên xe;
- + **V1** bánh xe trước bị biến dạng lõm vào trong;
- + Đầu tay cầm lái bên trái bị trầy xước (KT: 1x2cm).

- Trên xe mô tô biển số 63R1 – 6499, được sơn màu đỏ, có các dấu vết sau:

- + Cong khung sườn từ trước về sau 10cm;
- + Vành trước bên trái bị móp từ ngoài vào trong;
- + Mặt nạ chắn gió bị bể vỡ (KT: 38x22cm);
- + Cần số phía trước bị cong từ trước về sau 90 độ so với vị trí ban đầu;
- + Phần nhựa yếm khóa bên trái bị trầy xước (KT: 26x3cm);
- + Ghi đồng bị cong biến dạng từ trước về sau;
- + Đèn pha phía trước bị mất;
- + Dè chắn bùn phía trước bị bể vỡ;
- + Mâm xe phía trước bị móp từ ngoài vào trong.

Tại Bản kết luận giám định số: 08/KL-KTHS ngày 21/12/2023 của **Phòng K Công an T1**.Đà Nẵng, kết luận:

- Trên xe mô tô biển số 63R1 – 6499, được sơn màu đỏ, có các dấu vết sau:

Vết 1: Vết trầy mất nhựa màu đỏ, trầy xước su, cong lún kim loại, bám dính chất màu trắng, đen tại chắn bùn, mặt lặn; má lốp và niềng vành bên trái của bánh trước. Vị trí cao nhất tại chắn bùn cách mặt đất 65cm. **T** vết cong lún trên bánh xe tương ứng tại vị trí “-” trong dãy ký tự “250-17” in trên má lốp bên trái. Vết có dạng không liên tục nằm trong diện (30x25)cm. Vết có chiều hướng từ trước về sau.

Vết 2: Vết trầy xước, bức gãy kim loại, bám dính chất màu đen, trắng, tím và xanh tại thân và đầu phuộc giảm sóc bên trái bánh trước, đầu dây công tơ mét gắn với bánh trước, ốp nhựa đầu xe, ghi đồng và yếm chắn gió bên trái, vị trí thấp nhất tại đầu trục giảm sóc bên trái cách mặt đất 23cm. Vết có dạng không liên tục nằm trong diện (35x80)cm. Vết có chiều hướng từ trước về sau.

Vết 3: Vết trầy xước, cong kim loại tại đầu và 2 cần trước của bàn đạp số, cao cách mặt đất 25cm, kích thước (10x3)cm. Vết có chiều hướng từ trước về sau.

- Trên xe mô tô biển số 51P3 – 5420, được sơn màu tím, có các dấu vết sau:

Vết 1: Vết trầy xước, nứt vỡ mặt nhựa, trầy xước kim loại, bám dính chất màu đỏ, đen tại ốp nhựa và mặt bên phải khung kim loại cổ xe, mặt dưới khung kim loại nổi từ cổ xe qua thân xe, vỡ mặt hoàn toàn ốp nhựa phải bên ngoài khung kim loại này với yếm chắn gió bên phải, vị trí cao nhất cách mặt đất 64cm. Vết có dạng không liên tục nằm trong diện (30x25)cm. Vết có chiều hướng từ phải sang trái, về trước.

Vết 2: Vết trầy xước, mất chất màu xanh, đen, trầy xước và nứt vỡ kim loại màu trắng, tím tại mặt bên phải khung kim loại nổi từ cổ xe qua thân xe, góc trước bên phải động cơ, vị trí thấp nhất cách mặt đất 13cm. Vết có dạng không liên tục nằm trong diện (30x5)cm. Vết có chiều hướng từ phải sang trái. Mất hoàn toàn ốp su bọc tay cầm lái bên phải.

Vết 3: Vết trầy xước, lún kim loại, bám dính chất màu nâu tại viền bên phải niềng vành bánh trước, tâm vết cách số “3” trong dãy số “301” in trên má lốp bên phải ở hướng cùng chiều kim đồng hồ 7cm. Vết có kích thước (2x1)cm. Vết có chiều hướng từ tâm bánh xe ra ngoài. Vành bánh trước cong vênh, mất và bung rời một số tấm nổi từ vành vào trục bánh xe.

Về cơ chế hình thành dấu vết:

Vết 1 trên xe mô tô biển số 63R1 – 6499 hình thành phù hợp do chắn bùn và bánh trước của xe mô tô này va chạm với yếm chắn gió và ốp nhựa bên phải cổ xe, khung kim loại nổi cổ xe với thân xe mô tô biển số 51P3 – 5420, đồng thời tạo nên vết 1 tương ứng trên xe mô tô biển số 51P3 – 5420.

Vết 2 trên xe mô tô biển số 63R1 – 6499 hình thành phù hợp do phuộc giảm sóc bên trái bánh trước, đầu dây công tơ mét gắn với bánh trước, ốp nhựa trước đầu xe và ghi đồng, yếm chắn gió bên trái xe mô tô này va chạm với góc trước bên phải động cơ và ốp nhựa và khung kim loại nổi cổ xe với thân xe, ốp xu bọc tay cầm lái bên phải của xe mô tô biển số 51P3 – 5420, đồng thời tạo nên vết 2 tương ứng trên xe mô tô biển số 51P3-5420.

Vết 3 trên xe mô tô biển số 63R1 – 6499 hình thành phù hợp do đầu bàn đạp số của xe mô tô này va chạm với viền bên phải niềng vành bánh trước của xe mô tô biển số 51P3 – 5420, đồng thời tạo nên vết 3 tương ứng trên xe mô tô biển số 51P3 – 5420.

- Tại Kết luận giám định số: 21, ngày 18/01/2024 của Trung tâm P1 khẳng định thương tích của Lê Hải Đ như sau:

- + Chấn thương sọ não đã điều trị (V1);
- + Chấn thương đụng dập nhãn cầu mắt trái đã điều trị (V2);
- + Chấn thương hàm mặt: Vỡ thành trong và thành ngoài hốc mắt trái, vỡ xoang ham hai bên, gãy cung tiếp gỗ má trái, gãy vách mũi, tụ máu xoang hàm – sàng hai bên và gãy R21, R22 (V3);
- + Vùng đuôi cung mày trái có vết thương đã lành sẹo (KT: 02x0,1cm) (V4);
- + Mi dưới mắt trái có 02 vết thương đã lành sẹo (KT: 03x0,1cm và 1,5x01cm) (V5);
- + Rãnh mũi – môi bên trái có vết thương đã lành sẹo (KT: 01x0,5cm) (V6);
- + Môi bên trái có vết thương đã lành tạo sẹo (KT: 01x0,2cm) (V7);
- + Chấn thương gãy đầu dưới xương quay trái đã điều trị (V8).

Kết luận:

+ Các kết quả khám giám định thuộc V3, V4, V5, V6, V7 và V8, căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y**, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Lê Hải Đ** tại thời điểm giám định là 47%.

+ Kết quả khám giám định thuộc V1, hiện tại không phát hiện dấu vết để lại. Kết quả này không được quy định trong Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y**, nên không có cơ sở để xếp tỷ lệ thương tích.

+ Kết quả khám giám định thuộc V2. Nạn nhân không bổ sung kết quả khám chuyên khoa mắt nên không có cơ sở để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể (BL: 63-70).

- Tại Kết luận giám định số: 46, ngày 13/03/2024 của **Trung tâm P1** xác định xác định thương tích của **Trần Văn S** như sau:

+ Chấn thương sọ não: Dập não, xuất huyết nhu mô não, tụ máu tụ khí dưới màng cứng bán cầu não phải, vỡ lún sọ đỉnh phải, nứt xương thái dương phải, gãy cánh lớn xương bướm phải đã điều trị nội khoa. Hiện tại để lại di chứng não (yếu ½ người phải, cơ lực bên phải 3-4/5) (V1);

+ Chấn thương hàm mặt: Gãy xương chính mũi, gãy xương gò má phải đã điều trị (V2);

+ Chấn thương ngực kín: Gãy nhiều xương sườn bên phải, tràn dịch màng phổi hai bên lượng ít đã điều trị (V3);

+ Chấn thương bụng kín: Chấn thương gan độ IV (theo AAST 2018), dịch máu ổ bụng lượng nhiều đã điều trị (V4);

+ Vết mổ khai khí quản đã lành tạo sẹo (KT: 1,5x0,2cm) (V5);

+ Vùng trước ngực có nhiều vết xây xước da. Hiện tại đã lành bạc màu, (KT: vết lớn nhất: 12x03cm, vết nhỏ nhất 03x0,2cm) (V6).

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y**, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Trần Văn S** là 72% (BL: 73-80).

Tại hồ sơ bệnh án của **Lê Hải Đ** và ông **Trần Văn S** của **Bệnh viện Đ1** thể hiện kết quả xét nghiệm sinh hóa máu Ethanol đối với **Đ** và **S** là “dưới ngưỡng định lượng”. Ngày 13/8/2024, Cơ quan CSĐT **Công an quận S** có Công văn số 1190 đề nghị **Bệnh viện Đ1** giải thích cụm từ “dưới ngưỡng định lượng”, ngày 15/8/2024, **Bệnh viện Đ1** có Công văn số 1826 giải thích “dưới ngưỡng định lượng” được hiểu là <2,2 mmol/L (từ 0 - <2,2 mmol/L) với giá trị 2,2 mmol/L là giá trị nồng độ cồn nhỏ nhất mà thiết bị định lượng được (BL: 71, 73A-73C), kết hợp với lời khai của **Đ** khai trước thời điểm xảy ra tai nạn, **Đ** không sử dụng rượu, bia nên không có căn cứ xác định nồng độ cồn của **Đ** tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn.

Về phần bồi thường dân sự: Đại diện gia đình ông **Trần Văn S** yêu cầu bồi thường 64.339.438 đồng tiền chi phí điều trị nhưng đến nay bị cáo chưa bồi thường.

Cáo trạng số 95/CT- VKS ngày 23/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo **Lê Hải Đ** về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo **Lê Hải Đ** phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 2 điều 260, điểm s khoản 1 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Lê Hải Đ** mức án từ 3 năm tù đến 3 năm 6 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt 10 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 335/2024/HSST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đối với bị cáo **Lê Hải Đ**

Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng Điều 584, 585, Điều 590 Bộ luật dân sự Buộc bị cáo **Lê Hải Đ** phải bồi thường cho ông **Trần Văn S** số tiền 64.339.438 đồng.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Fashion 100, màu nâu BKS: 51P3-5420 do ông **Trần Văn S** điều khiển thì đến nay vẫn chưa làm việc được với ông **S**, gia đình ông **S** không biết nguồn gốc của chiếc xe này. Qua xác minh, người đứng tên đăng ký xe là anh **Nguyễn Tấn V** (sinh năm 1972, trú 300/34/47/42 **Nguyễn Văn L**, KP4, P.**Bình Thuận**, quận G, TP . **Hồ Chí Minh**) nhưng đến nay chưa xác định được **V** hiện đang ở đâu nên Cơ quan CSĐT Công an Q.**S**, TP.**Đà Nẵng** chưa làm việc được với anh **V** nên Cơ quan CSĐT **Công an quận S** tách ra điều tra xử lý sau.

Đối với 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ – đen, BKS: 63R1-6499, qua điều tra xác định: Anh **Nguyễn Tấn P** (sinh năm 1982, trú **ấp G, xã P, TP ., T.Tiền Giang**) là người đứng tên trong Giấy đăng ký xe máy, xe mô tô, anh **P** khai đã bán chiếc xe này cho người khác nhưng không nhớ được nhân thân, lai lịch của người mua xe và anh **P** không còn liên quan gì đến chiếc xe này nữa do đó Cơ quan CSĐT **Công an quận S** tách ra điều tra xử lý sau.

* Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Hải Đ** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại vì hành vi của mình đã gây ra, bị cáo rất hối hận. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đi làm kiếm tiền để bồi thường cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an Quận S**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **Quận S TP Đà Nẵng**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Lê Hải Đ** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 20/10/2023, tại ngã tư giao nhau giữa **đường C và đường V thuộc P. N, Q . S, TP.Đà Nẵng**, **Lê Hải Đ** (không có Giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda

Wave, màu đỏ – đen, biển số: 63R1 – 6499 lưu thông trên đường C, theo hướng từ đường N đến cầu T với tốc độ khoảng 60 đến 65km/h (Đ khai), do không chú ý quan sát, không giảm tốc độ nên đã tông vào phần giữa, bên phải xe mô tô BKS: 51P3-5420 do ông Trần Văn S điều khiển lưu thông trên đường V, theo hướng Sông H về C gây ra vụ tai nạn giao thông làm ông Trần Văn S bị thương tích với tỷ lệ phần 72%. Hành vi của Lê Hải Đ đã vi phạm khoản 9 Điều 8; khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 58 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ với tình tiết định khung “Không có giấy phép lái xe theo quy định” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 như bản cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 23/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất tính vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Lê Hải Đ điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nhưng có giấy phép lái xe theo quy định, không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, mà còn gây thiệt hại cho sức khỏe của người khác. Do đó cần phải quyết định một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: không có

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Hải Đ có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt trong khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình người bị hại Trần Văn S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 64.339.438 đồng bao gồm các chi phí nằm viện, chi phí phục hồi chức năng và chi phí điều trị thuốc men là 64.339.438 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Đ thống nhất khoản bồi thường như yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử thấy đây là các khoản chi phí hợp lý theo quy định do đó cần áp dụng Điều 584, 585, Điều 590 Bộ luật dân sự để buộc bị cáo Lê Hải Đ phải bồi thường cho ông Trần Văn S số tiền 64.339.438 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Fashion 100, màu nâu BKS: 51P3-5420 do ông Trần Văn S điều khiển thì đến nay vẫn chưa làm việc được với ông S, gia đình ông S không biết nguồn gốc của chiếc xe này. Qua xác minh, người đứng tên đăng ký xe là anh Nguyễn Tấn V (sinh năm 1972, trú 300/34/47/42 Nguyễn Văn L, KP4, P. Bình Thuận, quận G, TP. Hồ Chí Minh) nhưng đến nay chưa xác định được V hiện đang ở đâu nên Cơ quan CSĐT Công an Q. S, TP. Đà Nẵng chưa làm việc được với anh V do đó Cơ quan CSĐT Công an quận S tách ra điều tra xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ – đen, BKS: 63R1-6499, qua điều tra xác định: Anh **Nguyễn Tấn P** (sinh năm 1982, trú **ấp G, xã P, TP., T.Tiền Giang**) là người đứng tên trong Giấy đăng ký xe máy, xe mô tô, anh **P** khai đã bán chiếc xe này cho người khác nhưng không nhớ được nhân thân, lai lịch của người mua xe và anh **P** không còn liên quan gì đến chiếc xe này nữa. Bị cáo **Lê Hải Đ** khai mượn xe này của người không rõ nhân thân lai lịch do đó Cơ quan CSĐT **Công an quận S** tách ra xác minh điều tra và xử lý sau là phù hợp.

[8] Các nhận định, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với ý kiến của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng bị cáo **Đ** phải chịu,

Án phí dân sự sơ thẩm: 3.216.000 đồng bị cáo **Lê Hải Đ** phải chịu,

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Hải Đ** phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

Căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Hải Đ** **3 (ba) năm tù.**

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 10 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 335/2024/HSST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo **Lê Hải Đ** chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **3 (ba) năm 10 (mười) tháng tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, Điều 590 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo **Lê Hải Đ** phải bồi thường cho ông **Trần Văn S** số tiền 64.339.438 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **Lê Hải Đ** phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo **Lê Hải Đ** phải chịu: 3.216.000 đồng

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Quận S, ĐN,
- VKSND TP Đà Nẵng
- Công an quận S
- Chi cục THADS quận S
- Lưu hồ sơ, VT

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh

